

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 335/2017/HSST
Ngày: 20/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Ông Nguyễn Văn Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Thành Kiểm sát viên.

Ngày 20/10/2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 339/HSST ngày 06/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2017/QĐ-HSST ngày 13-10-2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Minh A - sinh năm 1976; nơi cư trú: đường B, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: tự do; văn hóa: lớp 12/12; con ông: D, sinh năm 1940; con bà: E - đã chết; vợ: F, sinh năm 1978; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/4/2014, Công an phường G thành phố N xử phạt hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi đánh bạc; ngày 16/01/2015 Công an phường G thành phố N xử phạt hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 18/9/2017 đến ngày 21/9/2017 được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Minh A hàng ngày bán xổ số, lô tô tại vỉa hè ngã ba đường H, phường G, thành phố N. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, tổ công tác của Đội cảnh

sát hình sự Công an thành phố N bắt quả tang A bán số lô, số đề cho các đối tượng sau: Bán cho I1 sinh năm 1979, trú tại 09/25 K, phường L, thành phố N 5 điểm số lô 64; 20.000 đồng số đề 64; thành tiền là 135.000 đồng; bán cho I2 sinh năm 1978, trú tại M, phường O, thành phố N 40 điểm số lô 01; 20 điểm số lô 09; 300.000 đồng số đề 01; 100.000 đồng số đề 09; 50.000 đồng số đề 10; thành tiền là 1.800.000 đồng; bán cho I3 sinh năm 1980, trú tại P, phường G, thành phố N gồm các số lô 79, 97 mỗi số 30 điểm, các số đề 79, 97 mỗi số 20.000 đồng, 50.000 đồng số đề 01, thành tiền là 1.800.000 đồng; bán cho I4 sinh năm 1995, trú tại Q, phường L, thành phố N các số lô 58,85 mỗi số 25 điểm; các số đề 58,85 mỗi số 100.000 đồng; thành tiền là 1.325.000 đồng. Tổ công tác đã thu giữ của A 01 bảng có ghi các chữ số, A khai là tổng hợp số lô, đề ghi ngày 18/9/2017, 01 bút bi xanh, 05 tờ kết quả xổ số, 20 tích kê chưa viết và 8.161.000 đồng (trong đó có 5.060.000 đồng là tiền vừa bán lô, đề cho I1, I2, I3, I4, số tiền còn lại A khai là tiền bán số lô, đề cho khách qua đường không rõ tên, tuổi, địa chỉ); thu giữ của I1, I2, I3, I4 mỗi người một tờ tích kê ghi số lô, số đề vừa mua của A, sau đó tổ công tác đưa các đối tượng về trụ sở Công an thành phố N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại cơ quan Công an, A và I1, I2, I3, I4 khai nhận hành vi mua bán số lô, số đề và quy ước về cách chơi và tỷ lệ thắng thua như sau:

Về mua bán số lô : Người mua lô tự lựa chọn mua số lô từ 00 đến 99, nếu số lô họ mua trùng với hai số cuối cùng của bất kỳ giải thưởng nào từ giải đặc biệt đến giải bảy trong hệ thống giải thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào buổi tối cùng ngày thì khách mua lô thắng. Mỗi điểm lô A bán là 22.500 đồng. Nếu trúng thì cứ một điểm lô, người chơi được A thanh toán cho số tiền là 80.000 đồng. Nếu khách mua không thắng thì bị mất số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số lô , A sẽ được hưởng số tiền đó.

Về mua bán số đề: Người mua đề tự lựa chọn mua số đề từ 00 đến 99, nếu số đề họ mua trùng với hai số cuối cùng của giải đặc biệt trong hệ thống giải thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào buổi tối cùng ngày thì khách mua đề thắng và được trả gấp 80 lần số tiền người mua bỏ ra để mua số đề. Nếu khách mua không thắng thì bị mất số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề , A sẽ được hưởng số tiền đó.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 346/QĐ-KSĐT ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo A về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai: Bị cáo làm đại lý bán xổ số, lô tô cho Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Nam Định. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, bị cáo bán số lô, số đề cho I1, I2, I3, I4 với số tiền 5.060.000 đồng thì bị Công an thành phố N bắt quả tang, thu giữ số tiền 8.161.000 đồng; trong đó có 3.101.000 đồng tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai là bán số lô, số đề cho khách qua đường, tại phiên tòa bị cáo xác định là tiền của bị cáo bán xổ số, lô tô hợp pháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h,

điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo A từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi về tội “Đánh bạc”; không áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng đã thu giữ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và hứa nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo A trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người làm chứng cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Ngày 18/9/2017, A đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề I1, I2, I3, I4; mục đích được thua bằng tiền với tổng số tiền là 5.060.000 đồng thì bị bắt quả tang. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là cố ý, đã xâm phạm trật tự công cộng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là mằm mống phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh của xã hội. Nhân thân bị cáo có hai lần bị xử phạt hành chính nhưng đã được xóa tiền sự từ 16-01-2016. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; cha mẹ bị cáo được thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến; bị cáo có đơn trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo

được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, điều kiện gia đình khó khăn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Số tiền 8.161.000 đồng trong đó có 5.060.000 đồng là tiền là số tiền bị cáo phạm tội mà còn nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 3.101.000 đồng thu giữ của bị cáo không có căn cứ xác định là tiền do giao dịch bất hợp pháp mà có nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án; các vật chứng khác không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi I1, I2, I3, I4 không cấu thành tội “Đánh bạc” nên Công an thành phố N đã xử phạt hành chính là đúng với quy định của pháp luật.

[5] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2017 đến ngày 21/9/2017).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.060.000 (năm triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng; trả lại bị cáo số tiền 3.101.000 (ba triệu một trăm linh một nghìn) đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án; tịch thu tiêu hủy các vật chứng khác.

(Chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/10/2017).

4. Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Diện